

Bản án số: 15/2020/ HNGĐ- ST

Ngày: 18/6/2020

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đình Nam

Ông Nguyễn Văn Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn** tham gia phiên tòa, bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX – ST ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1990

HKTT: Xóm 6, xã H, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn M, sinh năm: 1985

*- Người giám hộ:* Ông Đỗ Văn S, sinh năm: 1959

Đều có HKTT: Xóm 2, xã H, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- *Hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Triệu Sơn cấp ngày 08/11/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng sống với nhau nhưng không có tình cảm, sống không có hạnh phúc. Đến năm 2012 mâu thuẫn trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 25/5/2020, bị đơn anh Đỗ Văn M trình bày:

Anh bị câm điếc bẩm sinh, anh không nói được và cũng không nghe được nhưng anh biết đọc và biết viết.

- Về hôn nhân: Nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

\* Người giám hộ cho anh M, ông Đỗ Văn S trình bày: con trai ông là Đỗ Văn M bị câm điếc bẩm sinh, tuy không nói được và không nghe được nhưng anh M có thể đọc và tự viết được.

- Về hôn nhân: Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh M và chị T không có con chung và không có tài sản chung.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.**

**\* Về tố tụng:**

Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý vụ án và giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán đã chấp hành và tuân thủ theo đúng quy định, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo các quy định của luật tố tụng dân sự.

**\* Về nội dung:**

- *Hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn M.

- Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về tố tụng:*

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Về hôn nhân:*

Chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 08/11/2011, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn M là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tình cảm, thường xuyên xảy ra va chạm, sống không có hạnh phúc. Đến năm 2012 mâu thuẫn trầm trọng, chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay,

không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị T và anh M đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn M

[3] *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên :*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- ***Về hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đỗ Văn M

- ***Về án phí***: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0003998 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận :***

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

**Lê Thị Lan**

